TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU
Bản án số: 02/2017/DS-PT
Ngày 27-12-2017
V/v: "Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hoà

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Tố Nga;

Bà Dương Thị Tuyết Thanh

- *Thư ký phiên toà*: Bà Trịnh Thị Huế - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu***:** Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 25/12/2017, tại trụ sở Toà án nhân tỉnh Lai Châu, xét xử phúcthẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2017/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2017 về "Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Than Uyên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐPT-DS ngày 8 tháng 12 năm 2017; giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ông Lò Văn B - Sinh năm 1960 *(có mặt)*

Địa chỉ : Khu Ngã Ba, xã Mường Kim, huyện T U, Lai Châu.

Các bị đơn có kháng cáo:

1. Lường Văn S - Sinh năm: 1973 (có mặt)
2. Hà Văn L - Sinh năm: 1983 (có mặt)
3. Lò Văn H - Sinh năm: 1984 (có mặt)
4. Lường Văn Th - Sinh năm: 1973 (vắng mặt)

5. Lường Thị Ch - Sinh năm: 1983(vắng mặt)
6. Lìm Văn M - Sinh năm: 1997 (có mặt)
7. Lường Văn S - Sinh năm: 1986 (có mặt)
- Đều có địa chỉ: Bản Vi xã Mường Kim huyện T U tỉnh Lai Châu.

Bị đơn không có kháng cáo:

Lường Văn V - Sinh năm: 1981 (vắng mặt)
- Địa chỉ: Bản Vi xã Mường Kim huyện T U tỉnh Lai Châu.

****. Người làm chứng***:

1. Lò Quốc Khánh - Sinh năm: 1990 (có mặt)
- Địa chỉ: Khu Ngã Ba xã Mường Kim huyện T U tỉnh Lai Châu;
2. Lò Văn Ngại - Sinh năm: 1980 (có mặt)
3. Lò Văn Piềng - Sinh năm: 1982 (vắng mặt)
- Đều có địa chỉ: Bản Vi xã Mường Kim huyện T U tỉnh Lai Châu.*)*
4. Lò Thụy Long - Sinh năm: 1988
5. Lò Văn Ngoai - Sinh năm: 1980
6. Lò Thị Quyết - Sinh năm: 1984
7. Lò Văn Lanh - Sinh năm: 1991
8. Lò Văn Trấn - Sinh năm: 1986
9. Lò Văn Đổi - Sinh năm: 1992
10. Lò Văn Hè - Sinh năm: 1988
11. Lò Thị Hải - Sinh năm: 1994
12. Lò Thị Hôn.
13.Lò Văn Ớn.
14. Lò Văn Chương.
15. Quàng Văn Mũ.
16. Lò Văn Măng.
- Đều có địa chỉ: Bản Pá Khôm xã Pha Mu huyện T U, Lai Châu;
17. Lò Thị Pâng.
18. Lò Văn Sỹ.
19. Lò Thị Puôn.
20. Lò Thị Liên.
21. Lò Văn Hoạn.
22. Lò Thị Oanh.
- Đều có địa chỉ: Bản Khì 2 xã Phúc Than huyện T U, Lai Châu;
23. Lò Văn Thuận.

24. Lò Thị Banh.

25. Lò Thị Ành.

- Đều có địa chỉ: Bản Cáp Na 2 xã Tà Hừa huyện T U tỉnh Lai Châu. *(Đều vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31-10-2016 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Lò Văn B trình bày: Tháng 4/2015, ông nhận chuyển nhượng của Lò Văn M 194.205m^2 đất và Quàng Văn M 94.421m^2 đất rừng tại Đồi Bố Quang, Tà Hừa, T U, Lai Châu. Do Nhà nước có chương trình trồng rừng, gia đình ông cùng gia đình anh Lò Văn Ch đã ký kết với Ban quản lý rừng phòng hộ của huyện để nhận cây về trồng. Ngày 28/5/2015 trong lúc gia đình ông đang thực hiện phát quang, đào hố trồng bổ sung vào phần diện tích rừng đã bị ngập do công trình thủy điện thì các cá nhân trong đó có Lường Văn S và một số người khác đều là người bản Vi, Mường Kim lên ngăn cản đe dọa nói là đất của người dân bản Vi từ ngày xưa, sau đó ông cũng có kiến nghị lên hai xã Tà Hừa và xã Mường Kim tới can thiệp.

Ngày 29/5/2015 đại diện hai xã Tà Hừa và xã Mường Kim đã xuống có biên bản làm việc xác định rõ ràng là đất của gia đình ông B nằm trong địa phận quản lý của xã Tà Hừa nhưng vào hồi 08 giờ ngày 29/6/2015 trong lúc gia đình ông đang tổ chức trồng cây thì các cá nhân có tên sau: Lường Văn S; Hà Văn L; Lò Văn H; Lò Văn Ng; Lường Văn Th; Lường Văn V và Lò Văn P;. Lường Thị Ch; Lìm Văn M; Lường Văn S đều là người dân thuộc bản Vi kéo lên đồi trồng cây của gia đình phá cây lát của gia đình ông đã trồng được 07 ngày tuổi đồng thời lăng mạ ngăn cấm không cho mọi người trồng cây nữa. Ông có nhờ UBND xã Tà Hừa xuống hòa giải thì các đối tượng bỏ về. UBND xã Tà Hừa có yêu cầu gia đình ông tạm dừng việc trồng cây lại để chờ xử lý. Ông cũng đã thực hiện tạm dừng việc trồng cây và có kiến nghị lên UBND huyện Than Uyên chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét. Đến 09 giờ ngày 01/7/2015 các cá nhân có tên trên cùng ông Lò Văn P - Trưởng bản, bản Vi, Mường Kim lên cùng 25 người nữa kéo nhau lên phần diện tích mà ông đã trồng được 07 ngày, họ mang theo dao chặt, nhổ thậm chí còn chặt làm đôi xong lại cắm xuống. Gia đình ông can ngăn nhưng không được, họ còn đe dọa những người trong gia đình ông. Ông đã báo chính quyền xã Tà Hừa nhưng khi chính quyền đến các cá nhân đó đã bỏ về hết. Phần diện tích rừng sản xuất các cá nhân phá hoại của gia đình ông là 02 ha rừng mới trồng, gần 1.200 cây lát đã trồng.

Cán bộ xã cùng gia đình đi kiểm tra hiện trường và xác định thiệt hại mà các đối tượng đó gây ra.

Nay ông làm đơn đề nghị các đối tượng nêu trên bồi thường thiệt hại cho gia đình ông cụ thể như sau:

1/ Tiền cây lát hoa giống 1.800 cây x 20.200đ = 36.360.000đ

Số cây lát hoa đã trồng là 1.200 cây; Số cây lát hoa không trồng được đã bị chết là 600 cây.

2/ Tiền công vận chuyển cây lát lên rừng trồng là 63,5 công x 150.000đ/01 công = 9.525.000đồng.

3/ Tiền công phát quang, đào hố: 273 công x 150.000đồng = 40.950.000 đồng.

Tổng cộng các khoản là 86.835.000 đồng

Tại biên bản lấy lời khai các ngày 02, 03, 11 tháng 11 năm 2016, các bị đơn đã khai cụ thể như sau:

Lò Văn P trình bày theo biên bản ngày 11/11/2016: Gia đình anh có một mảnh nương tại đồi Bố Quang (nơi xảy ra sự việc) do cha ông khai hoang từ xưa, khi xảy ra sự việc ngăn cản trồng cây, anh có lên can thiệp còn bản thân anh không được nhổ, bẻ cây của ông Bạn.

Lò Văn Ng trình bày: Ngày 29/6/2015, anh thấy H, L, V, S, M, Th cùng nhau lên khu vực nhà ông B trồng cây để ngăn cản và nhổ cây của ông Bạn đã trồng trước đó, 06 người đó nhổ được 30 - 40 cây thì dừng lại. Đến ngày 01/7/2015, ông thấy rất đông người dân bản Vi lên đồi phá cây trồng của anh Ch. Khi anh đến đồi của nhà ông B thì người dân đã nhổ hết cây lát của ông B đã trồng trước đó và dân tiếp tục phá đồi cây của Lò Văn Ch. Lúc đó ông thấy có chừng 30 người đều là dân bản Vi trong đó có Lường Văn H, Hà Văn L. ông đứng nói để can ngăn nhưng không được nên anh đi về. Bản thân ông không tham gia nhổ cây trồng của ông B.

Lường Văn S trình bày: Gia đình anh cũng có đất canh tác trên đồi Bố Quang do ông bà để lại từ năm 1979, đến năm 2015 thì có anh Ch và ông B đến trồng cây, tháng 5/2015 các hộ trong bản Vi đã ngăn cản việc canh tác của hai hộ ông B và anh Ch nhưng gia đình hai hộ này vẫn tiếp tục trồng cây. Việc phá nhổ cây anh cũng không biết ai khởi xướng, trong các ngày 29/6 và 01/7/2015, anh thấy các hộ dân ở bản Vi đi nhổ phá cây của ông B nên anh cũng đi theo, đi cùng anh còn có H, V, L đi nhổ cây của ông B trước, sau đó đi nhổ cây của anh Ch. Anh nhổ từ 3-5 cây, còn diện tích và số lượng cây cụ thể bao nhiêu anh không rõ.

Lò văn H trình bày: Gia đình anh có đất canh tác tại đồi Bố Quang. Vào ngày 29/6/2015 anh cùng Lường Văn S, Lường Văn V, Hà Văn L, Lường Văn Th và một người nữa anh không nhớ tên đến đồi mà ông B đang trồng cây ngăn cản những người làm thuê cho ông B nhưng họ vẫn trồng. Anh và anh S, V, th, L và một người nữa cùng ở bản Vi cùng nhau nhổ khoảng 30-40 cây lát, sau đó anh Ng lên can ngăn, các anh không nhổ nữa và ra về. Đến sáng 01/7/2015, có khoảng 40- 50 người dân bản Vi tiếp tục lên can thiệp không cho trồng cây trong đó có anh và S, , Th, L và một người nữa chia nhau ra đi nhổ hết cây tại đồi nhà ông B sau đó kéo nhau phá đồi của anh Ch. Số cây mà anh cùng S, V, Th, L và người dân bản Vi phá nhổ ngày 01/7/2015 anh không nhớ rõ là bao nhiêu cây, chỉ ước tính trong các ngày 29/6/2015 và 01/7/2015 nhổ ước chừng 02 héc ta cây đã trồng của ông B.

Lường Văn V trình bày: tại Cơ quan điều tra. Cuối tháng 6 đầu tháng 7/2015 Lường Văn S, Lò Văn H, Lìm **V**ăn M lên chỗ đồi ông B đang trồng cây tại đồi Bố Quang, Tà Hừa để can ngăn việc trồng cây vì đất này là do cha ông anh khai phá từ năm 1979. Can ngăn không được anh và V, S, L, H cùng Th, M đi nhổ cảnh cáo 40 cây, anh nhổ 6 - 7 cây, sau đó anh Ng - Bí thư chi bộ bản Vi lên can ngăn và các anh đi về. Cách ngày sau đó, V, L, Ng lên đồi chỗ ông B trồng cây thì có khoảng 40 người dân bản Vi đang nhổ cây mới trồng của ông B và anh Ch, bản thân V tham gia nhổ 10 cây. tại phiên tòa hôm nay Lường Văn V vẫn vắng mặt không lý do tuy đã được tống đạt hợp lệ cho người thân của anh Lường Văn V, chị Hà Thị Thanh(vợ anh Lường Văn Việt)

Hà Văn L trình bày: Anh được tham gia nhổ cây 02 lần vào các ngày 29/6/2015 có anh và V, M, Th, S, H nhổ 30 - 40 cây, anh nhổ 4 - 5 cây. Lần thứ hai vào ngày 01/7/2015 anh và L, V, H, P, Ng, S và rất nhiều người dân bản Vi kéo lên phá nhổ cây tại đồi ông B trồng cây lát, bản thân anh nhổ 02 cây.

Lường Văn Th trình bày: Anh cũng có tham gia vào việc phá nhổ cây của ông Lò Văn B, anh cùng 6 - 7 người khác nhổ hơn 30 cây lát của ông B. tại phiên tòa hôm nay Lường Văn Th vẫn vắng mặt không lý do tuy đã được tống đạt hợp lệ.

Chị Lường Thị Ch trình bày: Gia đình nhà chị có diện tích đất trồng lúa, trồng sắn tại khu vực Đồi Bố Quang do cha ông để lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi gia đình ông Lò Văn B phát quang, đào hố để trồng cây chị cùng các hộ dân ở bản Vi, Mường Kim đã ngăn cản và nhổ bỏ những cây lát ông B đã trồng. Chị nhổ từ 02-03 cây lát. Quan điểm của chị không nhất trí bồi thường theo yêu cầu của ông B vì chị cũng cho rằng số đất đó là do cha ông để lại.

Anh Lìm Văn M: tại Cơ quan điều tra và tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án: anh Lìm Văn M cũng đã khai báo có nhổ cây cùng 08 bị đơn như ông Lò Văn B khởi kiện. Anh M nhổ 03-04 cây còn anh Ng đứng đó không nhổ cây mà chỉ nói là nhổ ít thôi.

Anh Lường Văn S: Tại Cơ quan điều tra và tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án: anh Lường Văn S cũng đã khai báo có nhổ cây cùng 08 bị đơn như ông Lò Văn B khởi kiện. Anh S nhổ 05-06 cây vào khoảng tháng 6/2015 và chỉ nhổ 01 lần. Những người cùng đi nhổ với anh, anh không rõ là những ai chỉ biết là đi rất nhiều người trong bản Vi mà không có ai chỉ đạo hoặc hô hào gì.

Các bị đơn đều đồng quan điểm là không nhất trí bồi thường vì họ đều cho rằng khu vực đồi Bố Quang nơi ông B trồng cây chính là đất của ông cha họ khai phá từ những năm 1979 đến năm 2008 họ không canh tác nữa mà đi chương trình tái định cư Thủy điện bản Chát.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ban đầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Than Uyên đã xác định: Số cây lát đã bị phá nhổ của ông B là 418 cây và kết luận định giá tài sản số: 18/HĐ-ĐGTS ngày 18/9/2015 của Hội đồng định giá tài sản huyện T U xác định: 418 cây lát có giá trị là 8.443.600 đồng.

Ngày 17/5/2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ khu vực Đồi Bố Quang nơi xảy ra thiệt hại về tài sản. Tại đây đã xác định: Toàn bộ khu vực trồng cây không xác định được thiệt hại số cây lát cũng như các hố cây do ông Bạn thuê đào, hiện cỏ dại đã mọc um tùm do thời gian xảy ra sự việc đã quá lâu (tháng 6/2015).

Những người làm chứng trong vụ án trình bày: Toàn bộ những người làm chứng Tòa án triệu tập và làm việc họ đều khai thống nhất được ông B thuê làm công phát quang, đào hố, trồng cây vào năm 2015 với số tiền thuê là 150.000đồng/01 ngày công. Điều này phù hợp với lời khai của ông Lò Văn B về mức thuê nhân công làm thuê 01 ngày để yêu cầu các bị đơn bồi thường.

Đối với anh Lò Văn Ch: Tòa án đã tiến hành lấy lời khai ngày 12/6/2017, anh Lò Văn Ch trình bày: Năm 2015 anh có ký kết với Ban quản lý rừng phòng hộ dự án trồng rừng tái sinh. Anh Ch và ông B có mối quan hệ họ hàng nên anh đã để lại cho ông B 1.800 cây lát. Sau đó ông B đã thanh toán toàn bộ giá trị 1.200 cây là 20 triệu đồng và đã trả lại 600 cây cho anh Ch do sự ngăn cản của các bị đơn dẫn đến việc không trồng được. Anh Ch đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án và không đề nghị gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Th U đã quyết định:

Áp dụng các Điều 298, 305, 476, 604, 405, 606, 608, 616 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lò Văn B đối với các bị đơn. Lường Văn S; Hà Văn L; Lò Văn H; Lường Văn Th; Lường Văn V, Lường Thị Ch, Lìm Văn M, Lường Văn S.

Buộc: Các bị đơn. Lường Văn S; Hà Văn L; Lò Văn H; Lường Văn Th; Lường Văn V, Lường Thị Ch, Lìm Văn M, Lường Văn S có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Lò Văn B số tiền thiệt hại về tài sản bao gồm: Số cây thiệt hại thực tế, tiền công vận chuyển và đào hố, phát quang của 418 cây là: 8.443.600đ (Tiền cây) + 9.849.125đ (Tiền công) = 18.292.725đ. Mỗi bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường là 18.292.725đ/ 8 bị đơn = 2.286.591 đồng cho nguyên đơn ông Lò Văn B.

Ngoài ra bản án còn tuyên miễn án phí quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, bị đơn Lường Văn V không kháng cáo.

Ngày 10/10/2017 các bị đơn còn lại đồng loạt kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm về phần bồi thường vì đất mà ông Bạn trồng cây chưa được giải quyết thoả đáng.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đề nghị: áp dụng khoản 1 điều 308, khoản 2 điều 312 và khoản 3 Điều 296Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị đơn Lường Văn Th; Lường Thị Ch đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà không có mặt; Giữ nguyên phần quyết định sơ thẩm đối với các kháng cáo của các bị đơn khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, của Đại diện Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN.

Về tố tụng: Việc ông B cho rằng quyền và lợi ích của ông bị xâm phạm, do hành vi phá nhổ cây lát do ông trồng của các bị đơn được xác định là "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" là thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 6 điều 26 Bộ luật TTDS 2015. Toà án nhân dân Huyện T U thụ lý giải quyết là đúng quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Ông B đề nghị Toà án giải quyết buộc các bị đơn phải bồi thường cho ông Tổng số tiền **86.835.000 đồng. (**Trong đó:Tiền cây lát hoa giống 36.360.000đ,Tiền công vận chuyển cây lát lên rừng trồng 9.525.000đồng;Tiền công phát quang, đào hố 40.950.000 đồng).Cấp sơ thẩm đã quyết định các bị đơn phải bồi thường cho ông B là 18.292.725đ, mỗi bị đơn phải bồi thường 2.286.591 đồng cho nguyên đơn ông Lò Văn B.

Xem xét nội dung kháng cáo của các bị đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Việc ông Lò Văn B thực hiện dự án trồng rừng là có thật. Ông B đã tiến hành các quy trình để trồng rừng như phát quang, đào hố mua cây con và tiến hành trồng cây. Thời gian trồng cây đã được 07 ngày tuổi thì bị phá. Ông B yêu cầu Toà án giải quyết buộc các bị đơn phải bồi thường tổng số tiền là **86.835.000đồng**.(Sau đó ông thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc các bị đơn bồi thường **57.890.000** đồng, gồm các khoản: Tiền cây giống lát hoa 24.240.000 đồng; Tiền công vận chuyển 1.200 cây lát hoa lên rừng trồng 6.350.000 đồng; Tiền công phát quang, đào hố trồng 1.200 cây lát hoa = 33.650.000 đồng). Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tài liệu thu thập được để quyết định buộc các bị đơn bồi thường số tiền là 18.292.725 đồng là có căn cứ, đúng với thiệt hại thực tế xảy ra. Các bị đơn kháng cáo cho rằng diện tích đất mà ông B trồng cây chưa được giải quyết thoả đáng và cho rằng đất đó là do ông cha để lại. Tuy nhiên, không có bị đơn nào xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đây là đất thuộc địa giới hành chính xã Tà Hừa, Ủy ban nhân dân huyện T U đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông ***Lò Văn M, Quàng Văn M.*** Do không có điều kiện để canh tác nên các ông M, M đã chuyển nhượng diện tích đất rừng này cho ông Lò Văn B. Hợp đồng chuyển nhượng giữa ông B và ông M, ông M đã được Ủy ban nhân dân xã Tà Hừa chứng thực, xác nhận. Ông Lò Văn B trồng rừng theo Kế hoạch của huyện nhằm trồng bù phần diện tích rừng bị ngập của hồ thủy điện Bản Chát. Khi tiến hành trồng cây lát hoa, ông B được sự đồng ý của chính quyền địa phương, Ban quản lý rừng phòng hộ 661, các ông Lò Văn M, Quàng Văn M. Như vậy, việc ông Lò Văn B trồng cây lát hoa trên diện tích đất nói trên là hoàn toàn hợp pháp. Do đó, không có căn cứ cho rằng đất đó là của ông cha các bị đơn để lại. Vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 293,khoản 1 điều 301, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị đơn Lường Văn Th; Lường Thị Ch.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn: Lường Văn S; Hà Văn L; Lò Văn H; Lìm Văn M; Lường Văn S; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Toà án nhân dân huyện T U, tỉnh Lai Châu.

Cụ thể:

Căn cứ vào: Khoản 6 Điều 25; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản1 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

Áp dụng các Điều 298, 305, 476, 604, 405, 606, 608, 616 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lò Văn B đối với các bị đơn: Lường Văn S; Hà Văn L; Lò Văn H; Lường Văn Th; Lường Văn V, Lường Thị Ch, Lìm Văn M, Lường Văn S.

Buộc: Các bị đơn: Lường Văn S; Hà Văn L; Lò Văn H; Lường Văn Th; Lường Văn V, Lường Thị Ch, Lìm Văn M, Lường Văn S có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Lò Văn B số tiền thiệt hại về tài sản bao gồm: Số cây thiệt hại thực tế, tiền công vận chuyển và đào hố, phát quang của 418 cây là: 8.443.600đ (Tiền cây) + 9.849.125đ (Tiền công) = 18.292.725đ.

Mỗi bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường là 2.286.591 đồng cho nguyên đơn ông Lò Văn B.

2. Án phí: Nguyên đơn và các bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn ông Lò Văn B được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.170.875 đồng *(Hai triệu một trăm bảy mươi nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng)* tại biên lai số AA/2010/0002534 ngày 01/11/2016 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Than Uyên, Lai Châu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án). Nếu bên phải thi hành không thi hành khoản tiền theo quyết định của bản án cho bên được thi hành ngoài ra còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi xuất quy định tại điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/01/2018)

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TỈNH LAI CHÂU **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 00 phút ngày 15/01/2018

Tại phòng nghị án của TAND Tỉnh Lai Châu

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hoà

Các thẩm phán: Bà Đặng Thị Tố Nga , Bà Dương Thị Tuyết Thanh

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự: *"Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"* giữa

***Nguyên đơn*:** Ông Lò Văn Bạn - Sinh năm 1960

Địa chỉ : Khu Ngã Ba, xã Mường Kim, huyện Than Uyên, Lai Châu.

Các bị đơn:

1. Lường Văn Sơ - Sinh năm: 1973
2. Hà Văn Lên (Liên) - Sinh năm: 1983
3. Lò Văn Hướng - Sinh năm: 1984
4. Lường Văn Thích - Sinh năm: 1973
5. Lường Thị Chiến - Sinh năm: 1983
6. Lìm Văn Mạnh - Sinh năm: 1997
7. Lường Văn Sam - Sinh năm: 1986
8. Lường Văn Việt - Sinh năm: 1981

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào điều 293,khoản 1 điều 301, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị đơn Lường Văn Thích; Lường Thị Chiến.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn: Lường Văn Sơ; Hà Văn Lên; Lò Văn Hướng; Lìm Văn Mạnh; Lường Văn Sam; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Cụ thể:

Căn cứ vào: Khoản 6 Điều 25; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản1 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

Áp dụng các Điều 298, 305, 476, 604, 405, 606, 608, 616 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lò Văn Bạn đối với các bị đơn. Lường Văn Sơ; Hà Văn Lên; Lò Văn Hướng; Lường Văn Thích; Lường Văn Việt, Lường Thị Chiến, Lìm Văn Mạnh, Lường Văn Sam.

Buộc: Các bị đơn. Lường Văn Sơ; Hà Văn Lên; Lò Văn Hướng; Lường Văn Thích; Lường Văn Việt, Lường Thị Chiến, Lìm Văn Mạnh, Lường Văn Sam có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Lò Văn Bạn số tiền thiệt hại về tài sản bao gồm: Số cây thiệt hại thực tế, tiền công vận chuyển và đào hố, phát quang của 418 cây là: 8.443.600đ (Tiền cây) + 9.849.125đ (Tiền công) = 18.292.725đ.

Mỗi bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường là 18.292.725đ/ 8 bị đơn = 2.286.591 đồng cho nguyên đơn ông Lò Văn Bạn.

2. Án phí: Nguyên đơn và các bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn ông Lò Văn Bạn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.170.875 đồng *(Hai triệu một trăm bảy mươi nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng)* tại biên lai số AA/2010/0002534 ngày 01/11/2016 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Than Uyên, Lai Châu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) . Nếu bên phải thi hành không thi hành khoản tiền theo quyết định của bản án cho bên được thi hành thì ngoái ra còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi xuất quy định tại điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/01/2018).

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**